

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI PHÚC DƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI PHÚC DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUC DUONG TRADING SERVICES AND INVESTMENT LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109272410

3. Ngày thành lập: 16/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 16 ngõ 358 phố Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Bán buôn thực phẩm (Trừ loại cấm)	4632(Chính)
4.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại cấm)	1079
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ loại cấm)	4659
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ loại cấm)	4649
7.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại cấm)	4669
8.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
9.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại cấm)	4690
10.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5610
11.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
15.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
16.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
17.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
18.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4799
19.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động bán đấu giá tài sản)	4791
20.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
21.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
22.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4789
23.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4773
24.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
25.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
26.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
27.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
28.	Dịch vụ đóng gói	8292
29.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
30.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
31.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Loại trừ hoạt động hỗ trợ vận tải hàng không)	5229
33.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

34.	Bốc xếp hàng hóa	5224
35.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
36.	Cơ sở lưu trú khác	5590
37.	Cho thuê xe có động cơ	7710
38.	Đại lý du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7911
39.	Xây dựng nhà để ở	4101
40.	Xây dựng nhà không để ở	4102
41.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
42.	Xây dựng công trình điện	4221
43.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
44.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
45.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
46.	Phá dỡ	4311
47.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
48.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
49.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
50.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
51.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
52.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
53.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
54.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ kinh doanh vàng)	4662
55.	Khai thác quặng sắt	0710
56.	Tái chế phế liệu	3830
57.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
58.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
59.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
60.	Khai thác và thu gom than non	0520

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN LAN	Khu phố 2 Thanh Minh, Phường Quảng Vinh, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	200.000.000	40,000	038085002335	
2	PHẠM THỊ HỒNG HẠNH	Lô 2, tập thể E13 – BCA Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	300.000.000	60,000	034180000117	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN LAN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/03/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038085002335

Ngày cấp: 04/06/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 2 Thanh Minh, Phường Quảng Vinh, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu phố 2 Thanh Minh, Phường Quảng Vinh, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội